

Số: 28/TB-BV

An Giang, ngày 24 tháng 04 năm 2026

THÔNG BÁO YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Mắt - Tai Mũi Họng - Răng Hàm Mặt An Giang đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, lên kế hoạch xây dựng giá mua sắm vật tư y tế, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Mắt - Tai Mũi Họng - Răng Hàm Mặt An Giang.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

– Nguyễn Thị Phương Dung (nhân viên phòng Vật tư thiết bị y tế) – số điện thoại: 0988.487.476;

– Email: phuongdungag88@gmail.com;

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Gửi bản gốc đến địa chỉ: Bệnh viện Mắt – Tai mũi họng – Răng hàm mặt An Giang, số 12B Lê Lợi, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang, đồng thời gửi file scan và file excel qua email: todauthau.bv3ckag@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 24 tháng 04 năm 2026 đến trước 9 giờ ngày 6 tháng 5 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 6 tháng 5 năm 2026

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục: Chi tiết theo **phụ lục 1** đính kèm

2. Địa điểm giao hàng: Bệnh viện Mắt – Tai mũi họng – Răng hàm mặt An Giang, số 12B Lê Lợi, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang.

3. Thành phần và quy cách hồ sơ báo giá:

– Báo giá theo mẫu báo giá tại **phụ lục 2** đính kèm.

– Bảng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại **phụ lục 3** đính kèm.

– Tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan đến việc lưu hành hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ.

– Kèm theo kết quả trúng thầu của đơn vị trong vòng 12 tháng (nếu có) đối với các hàng hóa, dịch vụ tương tự mà đơn vị chào giá cho Bệnh viện.

Lưu ý: Báo giá phải được người có thẩm quyền ký trực tiếp trên văn bản giấy, khi ký văn bản dùng bút có mực màu xanh, không dùng các loại mực dễ phai hoặc dùng dấu chữ ký khắc sẵn để ký báo giá

Trên đây là Thông báo yêu cầu báo giá về vật tư y tế của Bệnh viện Mắt – Tai Mũi Họng – Răng Hàm Mặt An Giang.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Phòng KHTH (để đăng website);
- Lưu: VT, Tổ đấu thầu.



Phan Kim Ngọc



PHỤ LỤC 1

(Đính kèm yêu cầu báo số 28/TB-BV ngày 24/04/2026 của bệnh viện Mắt – Tai mũi họng – Răng hàm mặt An Giang)

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	2	3	4	5
1	Nhựa nấu + Nước nhựa	<p>Thành phần: Bột (Polymer - Polymethyl methacrylate) và Nước (Monomer - Methyl methacrylate).</p> <p>* Phần bột : (Nhựa nấu)</p> <p>- Vật liệu: Nhựa Acrylic nóng chảy (Polymethyl methacrylate (PMMA) nóng)</p> <p>- Nhựa cứng khi đun nấu ở nhiệt độ 100 độ C</p> <p>- Nhựa có màu hồng</p> <p>- Quy cách: Gói bột 1kg</p> <p>*Phần nước: Nước nhựa đông kết bằng nhiệt sử dụng trong làm hàm giả toàn phần"</p> <p>- Vật liệu: Methyl Methacrylate (MMA).</p> <p>- Tỷ lệ bột/ nước: 2,1g/ 1ml</p> <p>Quy cách: Chai 1 lit</p>	Cặp	2
2	Bột nhựa tự cứng + Nước nhựa tự cứng	<p>*Phần Bột nhựa :</p> <p>- Vật liệu: Nhựa Acrylic = Polymethyl Methacrylate (PMMA)</p> <p>Nhựa Tự cứng không cần nhiệt độ cao</p> <p>- Màu sắc: Màu hồng</p> <p>- Quy cách: gói 1 kg</p> <p>*Phần Nước nhựa:</p> <p>- Vật liệu: Methyl Methacrylate (MMA).</p> <p>- Thời gian trộn: 8-10 phút.</p> <p>- Thời gian đông cứng: 18-20 phút</p> <p>Tỷ lệ : Bột/ nước: 2:1 hoặc 3:1</p> <p>- Quy cách: Chai 1 lit</p>	Cặp	2



STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	2	3	4	5
3	Thạch cao vàng	<p>Thạch cao vàng là thạch cao cứng (Loại II - Model Plaster) dùng cho phục hình tháo lắp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần chính: CaSO₄. 0,5H₂O - Thời gian trộn: 30 - 60 giây. - Thời gian đông cứng (Setting Time): 8 - 15 phút "- Tỷ lệ Nước/Bột (W/P Ratio): Khoảng (45-50ml nước / 100g bột)" 	gói	60
4	Thạch cao trắng	<p>"Thạch cao trắng là Thạch cao loại II (Plaster of Paris) độ cứng thấp dùng đổ để mẫu hàm, vào khuôn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ nước/bột: 45-50ml/100g" "- Thời gian đông cứng 10-15 phút. - Màu sắc: Màu trắng" - Quy cách Bịch 2 kg - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 	Gói	50
5	Thạch cao GC	<p>Thạch cao GC Thạch cao cứng (Type III) hoặc thạch cao siêu cứng (Type IV/V) là vật liệu dùng để lấy dấu, lấy ni (lấy mẫu ban đầu)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ Nước/Bột (W/P): 23-26ml nước/100g bột - Thời gian trộn: 30 - 60 giây. - Thời gian đông kết: 8-15 phút - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485/CE hoặc tương đương 	gói	24
6	Răng nhựa 4 răng	<p>Răng nhựa 4R</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: nhựa tổng hợp - Màu sắc: A2, A3, A3.5, A4. - Size: Các cỡ - Vĩ có 4 răng, gồm: Răng số 11, 21 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485/CE hoặc tương đương; Xuất xứ: Châu Á. 	Vĩ	50
7	Răng nhựa 6 răng	<p>Răng nhựa 6R (nhóm răng cửa)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: nhựa tổng hợp - Màu sắc: A2, A3, A3.5, A4. 	Vĩ	60

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	2	3	4	5
		<ul style="list-style-type: none"> - Size: Các cỡ - Vĩ có 6 răng, gồm: Nhóm răng số 13, 12, 11, 21, 22, 23 hoặc Nhóm răng số 33, 32, 31, 41, 42, 43. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485/CE hoặc tương đương; Xuất xứ: Châu Á. 		
8	Răng nhựa 6 răng	Răng nhựa 6R (nhóm răng cửa) <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: nhựa tổng hợp - Màu sắc: A2, A3, A3.5, A4. - Size: Các cỡ - Vĩ có 6 răng, gồm: Nhóm răng số 13, 12, 11, 21, 22, 23 hoặc Nhóm răng số 33, 32, 31, 41, 42, 43. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485/CE hoặc tương đương; Xuất xứ: Nhóm nước G7 	Vĩ	40
9	Răng nhựa 8 răng	Răng nhựa 8R (Nhóm răng cối) <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: nhựa tổng hợp - Màu sắc: A2, A3, A3.5, A4. - Size: Các cỡ - Vĩ có 8 răng, gồm: các răng cối nhỏ và răng cối lớn hàm trên hoặc hàm dưới - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485/CE hoặc tương đương; Xuất xứ: Châu Á. 	Vĩ	40
10	Răng nhựa 8 răng	Răng nhựa 8R (Nhóm Răng cối) <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: nhựa tổng hợp - Màu sắc: các màu - Size: Các cỡ - Vĩ có 8 răng, gồm: các răng cối nhỏ và răng cối lớn hàm trên hoặc hàm dưới - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485/CE hoặc tương đương; Xuất xứ: Nhóm nước G7 	Vĩ	40
11	Răng nhựa 28 răng	Răng nhựa <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: nhựa tổng hợp - Màu sắc: A2, A3, A3.5, A4. 	Vĩ	20

H
VIỆN
Y HỌC
ÂM M
IANG
★

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	2	3	4	5
		<ul style="list-style-type: none"> - Size: Các cỡ - Vĩ 28 cái răng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485/CE hoặc tương đương; Xuất xứ: Nhóm nước G7 		
12	Răng nhựa 28 răng	Răng nhựa <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: nhựa tổng hợp - Màu sắc: A2, A3, A3.5, A4. - Size: Các cỡ - Vĩ 28 cái răng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485/CE hoặc tương đương; Xuất xứ: Châu Á. 	Vĩ	20
13	Bột đúc kim loại/ Sứ	Bột đúc kim loại (bột bao đúc - investment material) trong nha khoa, <ul style="list-style-type: none"> - Loại bột: gốc phosphat - Độ mịn cao, độ giãn nở ổn định: (1.5%–2.5%), - Khả năng chịu nhiệt >1000°C - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485/CE hoặc tương đương 	thùng	5
14	Kim loại đốt sứ (Co-Cr, Ni-Cr)	Kim loại đốt sứ: (Co-Cr, Ni-Cr) <ul style="list-style-type: none"> '- Thành phần: hợp kim cơ bản: Co-Cr, Ni-Cr. - Khả năng chịu nhiệt cao, độ bền uốn 120-160 Mpa. - Không độc hại, - Không gây dị ứng - Không làm đen viền nướu. - Chịu được nhiệt độ cao (thường >900°C) 	kg	1
15	Kim loại đốt sứ (Titanium)	Kim loại đốt sứ: (Titanium) <ul style="list-style-type: none"> '- Thành phần: hợp kim cơ bản: Titanium. - Khả năng chịu nhiệt cao, độ bền uốn 120-160 Mpa. - Không độc hại, - Không gây dị ứng - Không làm đen viền nướu. - Độ bền chịu lực: có khả năng chịu lực gấp 3-4 lần so với kim loại thường 	gam	200

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	2	3	4	5
16	Bột Sứ Noritake	<ul style="list-style-type: none"> - Bột sứ : - Có độ mịn cao, dễ sử dụng, lên màu tươi sáng - Chịu lực tốt - Màu sắc: Các màu - Lọ : 50g - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương 	Lọ	5
17	Opague che màu	<ul style="list-style-type: none"> Opague che màu: Che màu cùi răng - Che màu : khả năng che phủ cao - Liên kết hóa học bền vững: không bong tróc, nứt gãy trong quá trình sử dụng - Màu sắc: Các màu Vita: A/B/C/D - Độ mịn cao: không bị vón cục và tạo lớp mỏng đều trên bề mặt sườn kim loại. - Quy cách: Lọ/6g - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương 	Lọ	15
18	Nước cách ly Sáp - Thạch cao	<ul style="list-style-type: none"> Nước cách ly thạch cao-sáp (Wax Separator) - Có gốc polyme hoặc colloid, không chứa dầu. - Dung dịch lỏng, trong suốt hoặc có màu nhẹ. - Tạo một lớp màng ngăn cách mỏng, hiệu quả giữa mô hình thạch cao và sáp nha khoa - Không gây bong tróc sáp. - Không làm thay đổi thể tích mô hình. - Khả năng cách ly: Không bị hòa tan bởi sáp nóng chảy, giúp ngăn cách thạch cao-sáp - An toàn khi nung ở nhiệt độ cao. 	chai	2
19	Mũi mài Sứ các loại	<ul style="list-style-type: none"> Mũi mài sứ nha khoa (thường dùng trong labo) - Là dụng cụ chuyên dụng với đầu phủ kim cương nhân tạo hoặc tungsten carbide. - Đường kính cán: 2- 2.35mm (chuẩn HP - Handpiece). - Chiều dài: tổng từ 22mm đến 34mm. 	gói	3



STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	2	3	4	5
		<ul style="list-style-type: none"> - Độ nhám (Độ mịn hạt kim cương): + Siêu thô/Thô : Mài nhanh, phá sườn sứ. + Trung bình (vòng xanh dương): Mài chỉnh thông dụng. + Mịn/Siêu mịn (đỏ/vàng/trắng): Đánh bóng, hoàn thiện. - Hình dáng: Trụ, trụ đầu tròn, hình ngọn lửa, hình nón, hình cầu. - Quy cách: Gói/ 100 mũi 		
20	Lưỡi cưa đai nha khoa	<ul style="list-style-type: none"> Lưỡi cưa đai nha khoa (thường dùng trong labo). - Dùng để cắt mẫu thạch cao với độ chính xác cao - Vật liệu: Là từ thép không gỉ - Chiều dài 128mm - độ dày rất mỏng: từ 0,2mm- 0,35mm. - Độ rộng lưỡi: 1,7 - 1,8mm - Bước răng: 25-30 răng/inch, để cắt mịn - Quy cách: Hộp/100 lưỡi 	Hộp	1
21	Bột màu Stain Sứ	<ul style="list-style-type: none"> Bột màu Stain sứ (như Ceramco3, GC Initial, IPS Ivocolor) - Dạng bột mịn, vô cơ, dùng để tạo màu - kích thước: hạt siêu mịn (<20μm), - Tương thích với sứ kim loại, Zirconia, sứ ép. - Nhiệt độ nung thường khoảng 700°C - 900°C - Quy cách: Lọ/3g 	Lọ	3
22	Nước Stain Sứ	<ul style="list-style-type: none"> Nước stain sứ (= dung môi pha màu sứ) - Dùng để pha trộn với màu stain dạng bột - Thành phần: Dung môi hữu cơ chuyên dụng (không chứa nước), giúp phân tán màu đồng đều và không tạo bọt khí khi nung - Trong suốt. độ nhớt thấp. - Bay hơi sạch khi nung - Không ảnh hưởng màu cuối - Quy cách đóng gói: Chai 100ml 	Chai	1
23	Đĩa cắt Kim loại	<ul style="list-style-type: none"> Đĩa cắt Kim loại - Chất liệu: Các hạt mài cứng như oxit nhôm (Al_2O_3) hoặc kim cương 	Hộp	1

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	2	3	4	5
		nhân tạo. - Tốc độ : 15.000–25.000 vòng/phút. - Chịu nhiệt cao - Đường kính (Diameter): 22mm (7/8 inch), 35mm, 38mm, 40mm, 45mm.... - Độ dày (Thickness): ≤0.5mm (loại mỏng)		
24	Đĩa cắt Sứ	Đĩa cắt Sứ - Chất liệu: Kim cương cao cấp - Kích thước : Các cỡ - Độ mỏng (Siêu mỏng): ≤ 0.2 mm - Tốc độ quay tối đa: 10.000 – 15.000 vòng/phút	Hộp	1
1	Nhựa nẫu + Nước nhựa	Thành phần: Bột (Polymer - Polymethyl methacrylate) và Nước (Monomer - Methyl methacrylate). * Phần bột : (Nhựa nẫu) - Vật liệu: Nhựa Acrylic nóng chảy (Polymethyl methacrylate (PMMA) nóng) - Nhựa cứng khi đun nấu ở nhiệt độ 100 độ C - Nhựa có màu hồng - Quy cách: Gói bột 1kg *Phần nước: Nước nhựa đông kết bằng nhiệt sử dụng trong làm hàm giả toàn phần" - Vật liệu: Methyl Methacrylate (MMA). - Tỷ lệ bột/ nước: 2,1g/ 1ml Quy cách: Chai 1 lit	Cặp	2
2	Bột nhựa tự cứng + Nước nhựa tự cứng	*Phần Bột nhựa : - Vật liệu: Nhựa Acrylic = Polymethyl Methacrylate (PMMA) Nhựa Tự cứng không cần nhiệt độ cao - Màu sắc: Màu hồng - Quy cách: gói 1 kg *Phần Nước nhựa:	Cặp	2

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	2	3	4	5
		<ul style="list-style-type: none">- Vật liệu: Methyl Methacrylate (MMA).- Thời gian trộn: 8-10 phút- Thời gian đông cứng: 18-20 phútTỉ lệ : Bột/ nước: 2:1 hoặc 3:1- Quy cách: Chai 1 lít		



PHỤ LỤC 2

(Đính kèm yêu cầu báo giá số 28/TB-BV ngày 24/04/2026 của bệnh viện Mắt – Tai mũi họng – Răng hàm mặt An Giang)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Mắt – Tai mũi họng – Răng hàm mặt An Giang

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số 28/TB-BV ngày 24/04/2026 của Bệnh viện Mắt – Tai mũi họng – Răng hàm mặt An Giang, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các mặt hàng như sau:

1. Báo giá cho các vật tư y tế và dịch vụ liên quan:

STT Yêu cầu báo giá	TT Báo giá	Tên hàng hóa mời báo giá	Tên thương mại	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VAT)	Thành tiền (VND)
1													

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 120 ngày, kể từ ngày 6 tháng 5 năm 2026.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các loại hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Thông tin người liên hệ:

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

PHỤ LỤC 3
 (Đính kèm yêu cầu báo giá số 28/TB-BV ngày 24/4/2026 của bệnh viện Mắt – Tai mũi họng – Răng hàm mặt An Giang)



BẢNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU KỸ THUẬT

Tên công ty: ★

STT Yêu cầu báo giá	TT Báo giá	Tên hàng hóa mời báo giá	Tiêu chuẩn kỹ thuật mời chào giá	Tiêu chuẩn kỹ thuật đáp ứng yêu cầu chào giá	Tài liệu tham khảo
1					
2					